

Số: 42/QĐ-BĐDHĐQT

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch tín dụng năm 2026

**TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) về việc ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi bổ sung một số điều quy định về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH ban hành kèm quyết định 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014;

Căn cứ Công văn số 7064/NHCS-KHNv ngày 14/7/2025 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn một số nội dung về tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng và xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2026, giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định 785/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục, điều chỉnh và phân bổ chi tiết, bổ sung hỗ trợ mục tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định 874/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách tỉnh trong cân đối và phân bổ vốn thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội;

Căn cứ Phụ lục hợp đồng ủy thác số 07/2026/PLHĐUT-STC-NHCSXH và phụ lục hợp đồng ủy thác số 08/2026/PLHĐUT-STC-NHCSXH ngày 25/6/2026 giữa Sở Tài chính và chi nhánh NHCSXH tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ kế hoạch tín dụng năm 2026 của các Phòng giao dịch (PGD) NHCSXH trực thuộc chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý đã xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 42/TTr-NHCS 01/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2026 để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh ủy thác qua NHCSXH cho các Phòng giao dịch NHCSXH chi tiết từng xã, phường theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay chỉ đạo cán bộ tín dụng căn cứ kế hoạch tín dụng được điều chỉnh của từng xã, phường phân bổ vốn đến từng

thôn, tổ dân phố và báo cáo Giám đốc NHCSXH nơi cho vay để tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã phân bổ kế hoạch tín dụng năm 2026 được điều chỉnh tại Quyết định này đến cấp thôn theo quy định để triển khai thực hiện.

Điều 3. Giám đốc chi nhánh NHCSXH tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH, Chủ tịch UBND xã, phường có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *gmk*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: BDD HĐQT, NHCSXH.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Ngô Tân Phụng



BDD-HDQT-NHCSXH TỈNH BẮC NINH

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 722/QĐ-BDDHDQT ngày 14/...7/2026 của Trưởng BDD-HDQT-NHCSXH tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Xã, phường	DƯ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG			
		GQVL		NOXH	
		+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026	+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026
Tổng cộng		140.000	1.707.110	60.000	210.000
I	Hội sở chi nhánh	5.000	143.351	10.404	30.582
1	Phường Bắc Giang	0	30.400	3.404	3.404
2	Phường Cảnh Thụy	0	12.087	1.000	1.000
3	Phường Tiễn Phong	2.500	19.413	0	0
4	Phường Tân An	0	16.923	1.000	1.000
5	Phường Tân Tiến	0	9.202	1.000	1.000
6	Phường Yên Dũng	2.500	22.161	1.000	1.000
7	Phường Đa Mai	0	23.254	3.000	3.000
8	Xã Đồng Việt	0	9.911	0	0
9	Cho vay trực tiếp	0	0	0	20.178
II	PGD Lục Ngạn	5.000	47.702	0	0
1	Xã Biên Sơn	0	4.686		0
2	Xã Biền Động	800	4.325		0
3	Xã Lục Ngạn	900	25.167		0
4	Xã Sa Lý	0	4.014		0
5	Xã Sơn Hải	0	2.000		0
6	Xã Tân Sơn	0	2.200		0
7	Xã Đèo Gia	3.300	5.310		0
8	Cho vay trực tiếp	0	0		0
III	PGD Lục Nam	5.000	74.090	-50	1.600
1	Xã Bảo Đài	1.200	13.962		0

Handwritten signature

TT	Xã, phường	DƯ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG			
		GQVL		NOXH	
		+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026	+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026
2	Xã Bắc Lũng	1.000	6.399		0
3	Xã Cẩm Lý	800	11.550		0
4	Xã Lục Nam	1.500	16.483	-50	900
5	Xã Lục Sơn		3.641		0
6	Xã Nghĩa Phương		6.803		0
7	Xã Trường Sơn		3.000		300
8	Xã Đông Phú	500	12.252		400
9	Cho vay trực tiếp		0		0
IV	PGD Sơn Động	5.000	48.493	0	5.000
1	Xã An Lạc	1.500	5.445	0	0
2	Xã Dương Hưu	1.500	4.633	0	900
3	Xã Sơn Động	1.000	10.452	0	2.900
4	Xã Tuấn Đạo	0	6.513	0	0
5	Xã Tây Yên Tử	0	3.838	0	1.200
6	Xã Vân Sơn	1.000	4.936	0	0
7	Xã Yên Định	0	4.864	0	0
8	Xã Đại Sơn	0	7.812	0	0
9	Cho vay trực tiếp	0	0	0	0
V	PGD Yên Thế	5.000	63.953	0	1.000
1	Xã Bồ Hạ	1.000	13.315		400
2	Xã Tam Tiến	1.000	14.135		0
3	Xã Xuân Lương	500	6.365		0
4	Xã Yên Thế	1.500	17.121		0
5	Xã Đồng Kỳ	1.000	13.018		600
6	Cho vay trực tiếp		0		0
VI	PGD Hiệp Hòa	5.000	75.631	0	1.500

TT	Xã, phường	DƯ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG			
		GQVL		NOXH	
		+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026	+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026
1	Xã Hiệp Hòa	1.500	17.680		1.500
2	Xã Hoàng Vân	500	20.597		0
3	Xã Hợp Thịnh	0	23.593		0
4	Xã Xuân Cẩm	3.000	13.761		0
5	Cho vay trực tiếp		0		0
VII	PGD Lạng Giang	5.000	82.058	0	700
1	Xã Kép	3.292	18.235		0
2	Xã Lạng Giang	91	20.735		0
3	Xã Mỹ Thái	1.236	15.301		700
4	Xã Tiên Lục	-169	17.649		0
5	Xã Tân Dĩnh	550	10.138		0
6	Cho vay trực tiếp		0		0
VIII	PGD Tân Yên	9.000	81.393	0	1.000
1	Xã Ngọc Thiện	2.000	16.469	0	0
2	Xã Nhã Nam	1.500	12.794	0	500
3	Xã Phúc Hòa	2.000	15.930	0	0
4	Xã Quang Trung	1.500	15.924	0	500
5	Xã Tân Yên	2.000	20.276	0	0
6	Cho vay trực tiếp		0		0
IX	PGD Việt Yên	5.000	78.963	10.000	97.111
1	Phường Nénh	1.250	19.050		30.543
2	Phường Tụ Lạn	1.250	19.763		375
3	Phường Việt Yên	1.250	17.832		2.092
4	Phường Vân Hà	1.250	22.318		637
5	Cho vay trực tiếp		0	10.000	63.464
X	PGD Chũ	5.000	66.588	0	600

AM

TT	Xã, phường	DƯ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG			
		GQVL		NOXH	
		+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026	+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026
1	Phường Chũ	2.000	31.158		600
2	Phường Phụng Sơn	1.000	15.849		0
3	Xã Kiên Lao	1.000	8.500		0
4	Xã Nam Dương	1.000	11.081		0
5	Cho vay trực tiếp		0		0
XI	PGD Yên Phong	7.000	96.124	-18	4.705
1	Tam Giang	300	9.150		0
2	Tam Đa	2.000	23.042		0
3	Văn Môn	700	23.026		0
4	Yên Phong	4.000	30.180		0
5	Yên Trung		10.726		0
6	Cho vay trực tiếp		0	-18	4.705
XII	PGD Quế Võ	5.000	99.192	40.000	43.823
1	Bồng Lai	700	15.258		488
2	Chi Lăng	700	12.331		683
3	Đào Viên	700	13.382		0
4	Nhân Hòa	700	13.599		660
5	Phù Lãng	700	15.831		0
6	Phương Liễu	700	11.767		300
7	Quế Võ	800	17.024		0
8	Cho vay trực tiếp		0	40.000	41.692
XIII	PGD Gia Bình	15.000	117.674	0	0
1	Cao Đức	2.000	7.083		0
2	Gia Bình	3.000	45.628		0
3	Nhân Thắng	3.000	17.253		0
4	Đông Cứu	2.000	21.116		0

TT	Xã, phường	DƯ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG			
		GQVL		NOXH	
		+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026	+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dư nợ năm 2026
5	Đại Lai	5.000	26.594		0
6	Cho vay trực tiếp		0		0
XIV	PGD Thuận Thành	20.000	122.991	-37	2.925
1	Mão Điền	2.000	22.781	-6	734
2	Ninh Xá	4.000	15.054	0	0
3	Song Liễu	2.000	22.908	0	0
4	Thuận Thành	5.000	25.498	-15	635
5	Trí Quả	2.000	19.391	-16	1.556
6	Trạm Lộ	0	12.359	0	0
7	Cho vay trực tiếp	5.000	5.000		0
XV	PGD Lương Tài	15.000	105.573	-180	4.096
1	Lâm Thao	3.122	19.257	0	0
2	Lương Tài	3.581	24.922	-30	990
3	Trung Chính	4.057	25.943	-150	2.206
4	Trung Khê	4.240	35.451	0	900
5	Cho vay trực tiếp		0		0
XVI	PGD Tiên Du	7.000	107.626	0	2.522
1	Liên Bảo	1.000	17.736		762
2	Phật Tích		24.250		1.140
3	Tiên Du	4.000	22.883		150
4	Tân Chi	0	19.060		470
5	Đại Đồng		18.697		0
6	Cho vay trực tiếp	2.000	5.000		0
XVII	PGD Từ Sơn	7.000	141.480	-98	11.878
1	Phù Khê	-1.000	42.822	2.169	3.450
2	Tam Sơn	-1.000	25.205	858	2.716

PMU

TT	Xã, phường	DỰ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG			
		GQVL		NOXH	
		+,- so với KH đã giao	Kế hoạch dự nợ năm 2026	+,- so với KH đã giao	Kế hoạch dự nợ năm 2026
3	Từ Sơn	8.000	47.224	-1.415	1.358
4	Đồng Nguyên	1.000	25.229	-18	558
5	Cho vay trực tiếp	0	1.000	-1.692	3.796
XVIII	PGD Kinh Bắc	10.000	154.228	-21	958
1	Hạp Lĩnh	3.000	8.862		0
2	Kinh Bắc	1.300	57.792	-21	958
3	Nam Sơn	2.300	31.662		0
4	Võ Cường	1.000	26.316		0
5	Vũ Ninh	2.400	29.596		0
6	Cho vay trực tiếp	0	0		0

STM